

Thứ tư, ngày 22 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Mất điểm phiên chiều, VNIndex dờn về ngưỡng 855

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/07/2020		•	
Tuần 20/7-24/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu giảm cơ trong phần lớn thời gian giao dịch vào phiên sáng với dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu có vốn hóa vừa và nhỏ. Tuy nhiên, sang phiên chiều, áp lực bán tăng cao đã đẩy chỉ số mất điểm nhưng vẫn chưa xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ 855. Dòng tiền đầu tư giảm mạnh so với phiên hôm trước khi không có nhóm ngành nào tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường không chênh lệch nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy lực cầu tại khu vực hiện tại là không cao. Nếu không thể giữ được vùng hỗ trợ trong những phiên tới, VNIndex nhiều khả năng sẽ trở lại khu vực xung quanh 840 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.1%**

Phân tích kỹ thuật: HAH_Phiên bút phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-6.61** điểm, đóng cửa **855.08**. HNX-Index **-0.77** điểm, đóng cửa **115.32**.
- Kéo chỉ số tăng: **VRE (+0.44); NVL (+0.11); GTN (+0.07); DBC (+0.05); PGD (+0.04)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.21); VNM (-0.94); BID (-0.91); CTG (-0.53); GAS (-0.44)**.
- Giá trị khởph lệnh của VN-Index đạt **3,364** tỷ đồng, **-10.98%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.03 điểm. Thị trường có **103** mã tăng, 57 mã tham chiều và **266** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-148.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-40.1 tỷ), HPG (-26.8 tỷ) và VHM (-25.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.16** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoaabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

855.08

Giá trị: 3364.78 tỷ

-6.61 (-0.77%)

Khối ngoại (ròng): -149.29 tỷ

HNX-INDEX

115.32

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.77 (-0.66%)

Khối ngoại (ròng): -4.16 tỷ

UPCOM-INDEX

57.57

Giá trị: 0.34 tỷ

0.21 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): -11.24 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.3	-1.53%
Giá vàng	1,848	0.35%
Tỷ giá USD/VND	23,184	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,775	0.62%
Tỷ giá JPY/VND	21,662	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	7.69%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-3.37%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	21.1	VNM	40.0
CMX	9.0	HPG	26.9
KDC	5.9	VHM	25.2
DHC	3.1	DXG	14.8
TLG	3.0	NVL	11.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	0.1%	4.2%	4.2%	4.2%	-5.7%	17.7%
Ngành Dược	-0.2%	-0.1%	6.6%	6.6%	6.6%	-2.3%	18.2%
Chiến tranh thương mại	-0.4%	0.8%	5.7%	5.7%	5.7%	-7.1%	18.7%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.5%	6.9%	6.9%	6.9%	-4.3%	16.9%
Xây dựng	-0.4%	-1.7%	10.6%	10.6%	10.6%	2.3%	19.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	-0.9%	5.1%	5.1%	5.1%	3.0%	20.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	-0.6%	3.1%	3.1%	3.1%	7.7%	15.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-1.8%	4.6%	4.6%	4.6%	-10.7%	19.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	-1.5%	3.5%	3.5%	3.5%	-9.2%	18.1%
Dầu khí	-0.6%	-2.9%	1.7%	1.7%	1.7%	-22.3%	25.2%
FTSE Việt Nam	-0.6%	-1.8%	2.5%	2.5%	2.5%	-8.5%	17.0%
Corona Avengers	-0.7%	-2.5%	4.8%	4.8%	4.8%	-0.1%	22.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	-2.0%	3.4%	3.4%	3.4%	-9.6%	16.0%
Lãi suất giảm	-0.7%	-1.0%	8.4%	8.4%	8.4%	5.1%	19.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-1.5%	4.8%	4.8%	4.8%	-13.9%	16.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.8%	-1.8%	4.2%	4.2%	4.2%	-12.2%	21.7%
VN Diamond	-0.8%	-2.0%	4.4%	4.4%	4.4%	-13.1%	19.8%
Ngân Hàng	-0.8%	-1.4%	6.9%	6.9%	6.9%	-2.4%	22.9%
Hàng tiêu dùng	-0.9%	-0.7%	5.4%	5.4%	5.4%	1.6%	20.2%
VN FinSelect	-1.0%	-2.1%	4.8%	4.8%	4.8%	-6.1%	19.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-2.1%	5.2%	5.2%	5.2%	-6.5%	21.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.2%	1.3%	10.6%	10.6%	10.6%	11.4%	26.0%
Đầu tư công	-1.6%	-1.6%	7.1%	7.1%	7.1%	1.0%	20.3%
Stay-at-home	-1.8%	-0.6%	6.5%	6.5%	6.5%	11.4%	17.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-3.1%	-3.6%	3.2%	3.2%	3.2%	-2.9%	22.4%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.9%	-1.1%	8.3%	8.3%	8.3%	-4.4%	21.3%
M22	-0.2%	-0.8%	4.1%	4.1%	4.1%	-1.6%	18.8%
S21	-0.6%	-1.5%	2.9%	2.9%	2.9%	-9.5%	20.1%
L11	-0.6%	-1.2%	3.6%	3.6%	3.6%	-6.9%	17.7%
M12	-0.7%	-1.3%	2.8%	2.8%	2.8%	-7.3%	20.0%
S11	-0.9%	-1.0%	3.4%	3.4%	3.4%	1.4%	18.7%
S32	-0.9%	-2.6%	4.1%	4.1%	4.1%	-15.1%	22.6%
M31	-1.0%	-1.7%	4.9%	4.9%	4.9%	-6.9%	21.4%
L22	-1.2%	-1.9%	2.4%	2.4%	2.4%	-8.0%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-0.5%	-0.7%	3.4%	3.4%	3.4%	-5.0%	17.2%
HIGH3	-0.8%	-0.9%	4.9%	4.9%	4.9%	-0.1%	19.5%
MID1	-0.9%	-1.1%	4.9%	4.9%	4.9%	5.3%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-0.8%	-1.9%	3.6%	3.6%	3.6%	-11.0%	16.9%
VN30INDEX	-0.9%	-2.0%	3.5%	3.5%	3.5%	-9.2%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	14	11	18	7	19	6
Mục tiêu	9	5	4	8	1	4	5
Rủi ro	3	1	2	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.60	-0.76%	0.50%	4.20%	-24.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.03	-0.65%	0.50%	2.20%	-28.64%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	128.04	0.05%	1.30%	0.70%	-26.18%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1858.10	0.88%	2.60%	5.90%	26.95%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	22.36	4.97%	15.20%	26.30%	36.39%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	898.00	0.56%	1.70%	2.00%	-5.00%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	529.75	0.38%	-3.80%	9.20%	0.43%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.32	0.00%	0.00%	14.80%	40.99%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.03	0.04%	1.80%	n/a		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.67	-0.43%	3.10%	-3.10%	-10.51%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	101.75	2.01%	3.90%	5.20%	-14.50%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6534.50	0.72%	0.60%	11.70%	9.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	544.48	1.82%	1.80%	7.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1696.50	1.92%	0.50%	6.60%	-6.58%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	122.10	2.44%	2.40%	12.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.85	0.72%	-2.00%	1.60%	-30.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 1.04 USD tương đương 2.4% lên 44.32 USD/thùng, dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.15 USD tương đương 2.82% lên 41.96 USD/thùng.
- Giá dầu được hỗ trợ bởi thỏa thuận giữa các nhà lãnh đạo EU về quỹ có trị giá 750 tỉ euro (859 tỉ USD) nhằm vực dậy các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona. Thỏa thuận EU cho phép Ủy ban châu Âu huy động hàng tỉ euro trên thị trường vốn thay mặt cho 27 quốc gia, một hành động đoàn kết chưa từng thấy trong gần 7 thập kỷ của hội nhập châu Âu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 1.5% lên 1,842.52 USD/ounce, là mức cao nhất kể từ tháng 9/2011. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1.5% lên 1,843.9 USD/ounce. Giá vàng tăng lên mức cao nhất 9 năm, được thúc đẩy bởi hoạt động bán tháo đồng USD và gia tăng kỳ vọng các biện pháp kích thích sẽ hỗ trợ các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch hồi phục

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên tăng 2.8% lên 841 CNY (120.32 USD)/tấn, sau khi giảm 3 phiên liên tiếp. Giá quặng sắt trên sàn Singapore tăng 2.4% lên 108.6 USD/tấn, hồi phục từ mức giảm 4 phiên liên tiếp. Trên sàn Thượng Hải giá thép cây tăng 1.2%, thép cuộn cán nóng tăng 1.1%.
- Tồn trữ quặng sắt nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc tính đến ngày 17/7/2020 tăng tuần thứ tư liên tiếp lên 112 triệu tấn.

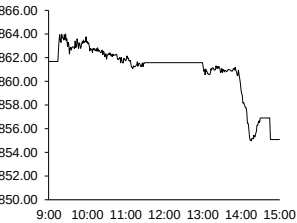
Giá cao su

- Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 tăng 3.7 JPY tương đương 2.4% lên 159 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 tăng 1.6% lên 10,695 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tăng hơn 2% do gia tăng niềm tin về các thị trường tài chính, sau số liệu thử nghiệm tích cực về vắc xin Covid-19 tiềm năng.

Giá nông sản

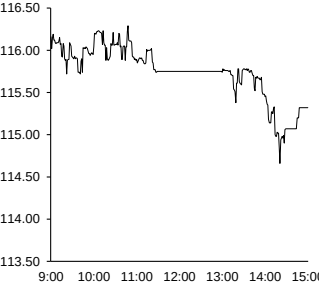
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 2 US cent tương đương 2% lên 1.0175 USD/lb, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn tăng 39 USD tương đương 3.1% lên 1,317 USD/tấn. Giá cà phê tăng, được thúc đẩy bởi thị trường hàng hóa và chứng khoán tăng, cùng với đó là những thông tin tích cực về thử nghiệm vắc xin virus corona và thỏa thuận kích thích của EU.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0,05 US cent tương đương 0.4% xuống 11.67 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 4.8 USD tương đương 1.4% lên 355.3 USD/tấn.

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-3.08%
Dầu khí	-1.12%
Hóa chất	-1.08%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.03%
Bảo hiểm	-1.00%
Ngân hàng	-0.94%
Dịch vụ tài chính	-0.92%
Thực phẩm và đồ uống	-0.91%
Xây dựng và Vật liệu	-0.86%
Du lịch và Giải trí	-0.78%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.78%
O tô và phụ tùng	-0.64%
Công nghệ Thông tin	-0.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghệ	-0.52%
Bán lẻ	-0.49%
Bất động sản	-0.45%
Tài nguyên Cơ bản	-0.25%
Y tế	-0.24%
Viễn thông	0.00%

Nguồn: FlinPro

Phân tích kỹ thuật

HAH_Phiên bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: HAH đã có một phiên bút phá sau khi tạo ngưỡng hỗ trợ 10.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 11 chốt lãi tại ngưỡng giá 13.0 và cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 10.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

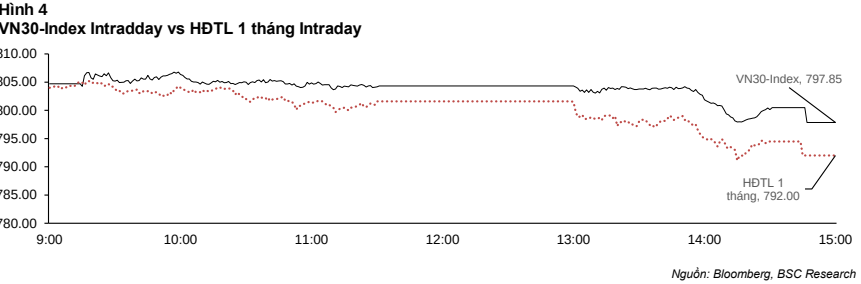
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/21/2020	TDT	10.20	12.00	9.00	10.50	1.00	2.94%	Có thể tiếp tục mua
7/20/2020	HT1	14.00	16.00	13.50	14.00	2.00	0.00%	Có thể tiếp tục mua
7/17/2020	BFC	12.50	14.00	11.50	12.35	5.00	-1.20%	Có thể tiếp tục mua
7/16/2020	MPC	27.80	33.00	26.00	27.00	6.00	-2.88%	Có thể tiếp tục mua
7/15/2020	FRT	25.40	29.00	21.50	24.90	7.00	-1.97%	Có thể tiếp tục mua
7/14/2020	DPM	14.90	16.00	14.00	14.95	8.00	0.34%	Có thể tiếp tục mua
7/13/2020	GVR	11.90	14.00	11.00	11.75	9.00	-1.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/10/2020	KBC	14.45	17.00	13.00	14.85	12.00	2.77%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2020	KDC	30.50	39.00	29.00	31.20	13.00	2.30%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2020	HDG	20.60	26.00	19.00	19.90	15.00	-3.40%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/6/2020	FPT	46.80	57.20	45.00	47.40	16.00	1.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.80	15.00	11.00	13.10	21.00	2.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2020	PLP	11.35	13.50	9.50	12.10	23.00	6.61%	Có thể tiếp tục mua
6/26/2020	DGC	39.60	42.00	33.00	40.40	26.00	2.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	31.00	39.00	27.50	30.80	28.00	-0.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2020	FCN	10.80	14.00	9.50	10.65	29.00	-1.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/19/2020	VIC	97.30	100.00	88.00	89.80	33.00	-7.71%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/18/2020	HPG	26.80	32.00	24.00	28.10	34.00	4.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.90	90.00	70.00	77.50	36.00	3.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/12/2020	STB	11.80	13.00	10.50	11.30	40.00	-4.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.20	42.00	30.50	37.40	47.00	0.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2020	GEX	17.90	22.00	16.00	TP	9.00	22.91%
7/3/2020	PLC	14.94	16.40	13.20	TP	12.00	9.77%
7/2/2020	DHC	37.90	40.00	35.00	TP	7.00	5.54%
6/30/2020	TLG	35.90	40.00	31.50	TP	20.00	11.42%
6/25/2020	VRG	14.70	16.80	12.50	TP	7.00	14.29%
6/22/2020	PDR	24.80	29.00	23.00	SL	9.00	-7.26%
6/17/2020	MSH	35.95	40.00	32.30	SL	12.00	-10.15%
6/15/2020	NVL	55.20	60.00	53.00	TP	4.00	8.70%
6/11/2020	DAH	14.00	16.50	11.00	TP	19.00	17.86%
6/10/2020	GEG	21.00	25.00	20.00	SL	2.00	-4.76%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12.00	9.00	2.5%	-2.7%	0.2%	20
Cổ phiếu đã chốt	7.00	5.00	12.9%	-8.3%	4.1%	10

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	792.00	-1.61%	-5.85	-5.9%	146,210	8/20/2020	31
VN30F2009	789.50	-1.25%	-8.35	-30.9%	442	9/17/2020	59
VN30F2012	787.00	-0.83%	-10.85	956.3%	338	12/17/2020	150
VN30F2103	783.70	-1.99%	-14.15	-45.3%	29	3/18/2021	241

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -6.85 điểm, xuống mức 797.85 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, VPB, VHM, CTG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tích lũy quanh 805 điểm, trước khi giảm tiêu cực cuối phiên xuống dưới 800 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong vùng 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2006	10/29/2020	99	4:1	101,280	44.43%	1,100	1,370	12.30%	1,251	1.10	27,400	23,000	26,950
CDPM2002	12/16/2020	147	1:1	200,840	40.37%	1,700	2,420	1.68%	1,518	1.59	16,952	15,252	14,950
CMWG2009	10/23/2020	93	8:1	249,750	39.64%	1,600	1,270	0.00%	962	1.32	94,800	82,000	83,200
CHPG2005	10/1/2020	71	1:1	17,170	36.57%	2,100	9,100	0.00%	9,283	0.98	21,100	19,000	28,100
CHPG2008	11/30/2020	131	1:1	79,440	36.57%	4,100	3,360	-0.59%	2,723	1.23	32,100	28,000	28,100
CMWG2007	11/30/2020	131	1:1	21,690	39.64%	12,900	8,400	-3.00%	6,863	1.22	99,900	87,000	83,200
CNVL2001	12/16/2020	147	4:1	381,260	17.84%	2,300	2,010	-3.37%	502	4.00	75,088	65,888	62,700
CFPT2003	11/9/2020	110	1:1	39,600	32.15%	7,300	9,140	-3.38%	2,538	3.60	57,300	50,000	47,400
CSTB2004	11/30/2020	131	1:1	163,220	41.77%	1,400	1,560	-3.70%	1,361	1.15	12,400	11,000	11,300
CHPG2010	4/5/2021	257	4:1	261,250	36.57%	1,800	1,230	-3.91%	508	2.42	40,300	33,100	28,100
CVRE2003	12/16/2020	147	2:1	184,270	44.43%	3,000	720	-4.00%	275	2.62	43,999	37,999	26,950
CTCB2004	8/18/2020	27	2:1	101,910	37.15%	1,050	1,780	-4.30%	1,669	1.07	19,100	17,000	20,250
CMBB2006	10/29/2020	99	2:1	151,190	34.43%	1,100	1,070	-4.46%	837	1.28	18,700	16,500	17,150
CVNM2003	9/4/2020	44	10:1	98,700	31.44%	1,450	2,430	-4.71%	2,079	1.17	107,280	92,780	114,100
CVHM2003	10/29/2020	99	10:1	189,950	37.48%	1,000	1,300	-5.80%	1,085	1.20	80,000	70,000	77,500
CFPT2004	8/10/2020	19	1:1	38,950	32.15%	5,100	6,030	-6.66%	514	11.72	55,100	50,000	47,400
CVPB2007	10/29/2020	99	2:1	191,280	45.21%	1,700	1,230	-7.52%	1,107	1.11	25,900	22,500	22,450
CPNJ2002	10/1/2020	71	2:1	90,390	36.75%	2,400	1,660	-7.78%	468	3.55	73,800	69,000	58,600
CVHM2002	11/30/2020	131	1:1	22,490	37.48%	11,500	9,560	-8.69%	7,785	1.23	88,500	77,000	77,500
CCTD2001	12/16/2020	147	10:1	97,040	55.63%	1,540	1,850	-10.19%	1,092	1.69	96,288	80,888	79,000
Tổng				2,681,670	37.89%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- Về giá, CVRE2006 tăng mạnh 12.30%. Trái lại, CCTD2001 và CVPB2005 giảm mạnh lần lượt là -10.19% và -9.50%. Giá trị giao dịch giảm -15.31%. CNVL2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.24% thị trường.
- CHPG2005, CVPB2005, CVRE2005, CVPB2006, và CHPG2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005, CHPG2006 và CHPG2009 cũng là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.2	-0.6%	1.2	1,638	1.3	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.6	-1.3%	1.3	574	1.2	5,248	11.2	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.0	-1.5%	1.3	1,485	1.3	1,307	35.2	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.5	-0.7%	0.4	296	0.2	2,654	11.5	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	89.8	-0.4%	0.8	13,206	0.8	2,095	42.9	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.0	2.5%	1.1	2,663	2.6	1,226	22.0	2.3	30.7%	10.3%
VHM	Bất động sản	77.5	-1.6%	1.3	11,084	5.8	7,825	9.9	4.1	20.2%	47.9%
DXG	Bất động sản	10.4	2.0%	1.3	233	1.8	1,672	6.2	0.8	40.4%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.1	-1.3%	1.3	393	2.6	1,415	10.6	0.8	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.6	-2.6%	1.0	161	0.6	4,240	5.3	0.9	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.5	-1.3%	1.7	245	1.0	1,608	11.5	1.3	51.9%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.4	-0.8%	0.8	1,616	1.7	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.2	0.4%	0.4	521	0.0	4,812	10.0	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	70.2	-1.1%	1.5	5,842	1.1	5,138	13.7	2.6	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	45.3	-1.3%	1.5	2,375	1.4	869	52.1	2.9	14.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	0.0%	1.5	256	1.3	1,238	9.9	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.8	-1.4%	0.8	917	0.5	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.8	0.0%	0.5	528	0.1	5,044	18.4	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	15.0	2.0%	0.4	254	2.5	1,586	9.4	0.7	10.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	-0.8%	0.4	203	0.4	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.5	0.0%	1.1	13,304	2.2	4,918	16.8	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.0	-2.0%	1.4	6,995	1.3	2,140	18.7	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.4	-2.1%	1.2	3,780	2.8	2,510	9.3	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.5	-1.3%	1.2	2,379	2.2	4,126	5.4	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.2	-0.9%	1.0	1,798	2.0	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.4	-0.8%	0.9	1,764	1.8	3,780	6.5	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.5	-1.3%	0.9	187	0.2	5,303	9.9	1.7	81.7%	17.0%
NTP	Nhựa	30.4	-1.6%	0.4	156	0.1	3,348	9.1	1.4	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	0.0%	0.4	654	0.0	356	42.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.1	0.0%	1.1	3,373	9.1	2,764	10.2	1.6	35.9%	17.4%
HSG	Thép	11.2	-1.3%	1.4	216	1.7	1,493	7.5	0.8	11.0%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	114.1	-1.6%	0.7	8,639	5.3	5,453	20.9	6.6	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	190.1	-0.1%	0.8	5,300	0.9	6,719	28.3	7.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	54.2	-0.9%	1.0	2,755	2.0	3,961	13.7	1.5	38.8%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-1.0%	0.8	378	2.8	171	86.7	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	57.6	-1.0%	0.8	5,452	0.6	3,450	16.7	3.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.4	-0.9%	1.1	2,446	1.2	7,110	15.1	3.8	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	25.8	-0.4%	1.7	1,591	0.2	1,654	15.6	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	0.0%	0.9	252	0.1	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.3	-1.0%	1.1	126	0.3	2,117	4.9	0.6	22.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.0	-0.6%	1.0	418	0.3	8,219	7.5	2.9	2.8%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	-0.2%	0.7	390	0.2	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.0	-1.1%	1.0	232	0.1	1,937	7.2	1.0	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	79.0	-4.2%	1.0	262	3.6	8,467	9.3	0.7	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.1	0.0%	0.3	188	1.1	1,775	10.2	0.8	37.2%	8.5%
REE	Điện	32.4	-0.9%	-1.4	436	0.2	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
PC1	Điện	18.8	-2.3%	-0.4	130	0.3	2,268	8.3	0.8	16.4%	10.7%
POW	Điện	9.7	-0.9%	0.6	991	0.9	1,028	9.5	0.8	11.2%	9.4%
NT2	Điện	23.1	-0.4%	0.5	289	0.4	2,685	8.6	1.5	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.9	-1.3%	0.8	303	1.2	1,880	7.9	0.7	20.8%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.6	0.0%	0.9	1,197	0.0	2,332	11.4	1.9	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	26.95	2.47	0.43	2.25MLN
NVL	62.70	0.64	0.11	997430.00
GTN	25.00	4.17	0.07	2.46MLN
DBC	51.50	3.41	0.05	3.91MLN
PGD	29.20	5.04	0.04	12850.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.24	1.71MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.94	1.05MLN	607060.00
BID	0.00	-0.92	750600.00	373600.00
CTG	0.00	-0.53	2.70MLN	192700.00
GAS	0.00	-0.44	343540.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	33.70	6.98	0.03	1020.00
PNC	10.30	6.96	0.00	10.00
PXI	2.77	6.95	0.00	50410.00
LDG	6.31	6.95	0.03	6.59MLN
HRC	45.65	6.91	0.03	2500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM8	11.00	-8.71	0.00	1610.00
MHC	6.65	-6.99	-0.01	1.61MLN
DAH	9.09	-6.96	-0.01	86230.00
LCM	0.67	-6.94	0.00	38940.00
YEG	54.00	-6.90	-0.04	53790.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIX	7.70	8.45	0.06	379100.00
DST	6.90	9.52	0.02	1.78MLN
SLS	61.50	4.59	0.02	15300.00
IDC	19.40	0.52	0.02	6400.00
SCI	31.20	9.86	0.01	147500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.40	-0.81	-0.32	1.72MLN
SHB	12.70	-1.55	-0.30	2.03MLN
SHS	11.90	-11.85	-0.23	2.04MLN
HHC	90.00	-10.00	-0.09	300.00
L14	60.00	-3.23	-0.03	73000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

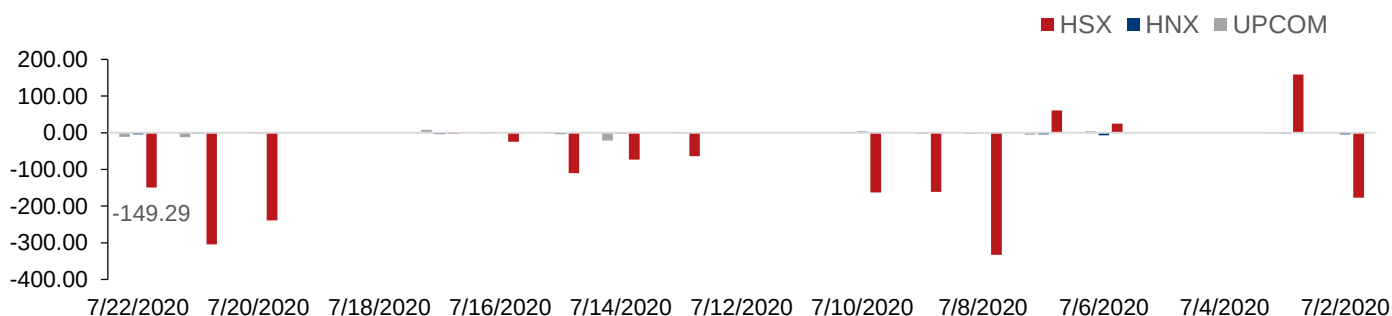
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCI	31.20	9.9	0.01	147500.00
BST	13.40	9.8	0.00	1600.00
DST	6.90	9.5	0.02	1.78MLN
PIC	9.20	9.5	0.01	300.00
VTJ	4.60	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	154000.00
VIG	0.70	-12.50	0.00	662000.00
SHS	11.90	-10.00	-0.23	2.04MLN
BSC	14.40	-10.00	0.00	100.00
CTT	9.90	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



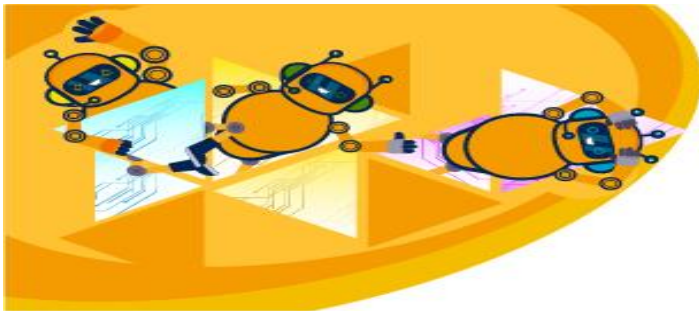
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.4	3,321	7.6	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	22.5	4,126	5.4	1.2	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	51.5	9,642	5.3	1.5	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.2	3,961	13.7	1.5	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.2	1,493	7.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.8	5,479	8.2	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.6	1,140	19.8	1.9	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.1	2,764	10.2	1.6	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.3	2,987	6.8	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.6	5,248	11.2	2.6	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	135.0	5,718	23.6	8.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	10.4	1,672	6.2	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.9	7,637	2.6	0.9	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.3	4,761	9.1	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.5	4,918	16.8	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.4	3,780	6.5	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.4	6,553	5.7	1.4	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	54.3	3,887	14.0	2.7	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	47.4	4,804	9.9	2.2	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.3	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.9	1,880	7.9	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	190.1	6,719	28.3	7.1	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.8	1,780	13.9	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.1	5,453	20.9	6.6	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.2	8,808	9.4	2.8	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.3	2,048	8.4	1.3	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	92.8	5,044	18.4	3.8	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,117	4.9	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	58.6	5,248	11.2	2.6	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.4	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	198.0	14,782	13.4	5.5	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	10.3	0	14.8	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	10.5	3,219	3.3	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	18.8	2,268	8.3	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	28.3	-218	#N/A	2.9	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	30.8	2,986	10.3	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KPTL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn